

**TÒA ÁN NHÂN DÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05 -12 - 2017

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vinh Quang

Ông Lê Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị N; sinh năm 1977

Bị đơn: Anh Đỗ Văn D; sinh năm 1973.

Đều có địa chỉ: Xóm N, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị N; anh D xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13-10-2017, bản tự khai ngày 31-10-2017, các văn bản khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đinh Thị N trình bày: Giữa chị và anh Đỗ Văn D tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, được UBND xã Giao N cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/1996. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong quá trình chung sống vợ chồng anh D hay uống rượu chửi bới lăng mạ vợ con mặc dù chị và gia đình đã can ngăn nhiều lần nhưng anh Duyên không sửa chữa, nên vợ chồng đã sống ly thân hơn 2 năm. Nay chị xét thấy giữa chị và anh D

không còn tình cảm, chỉ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn D.

Về con: Chị N trình bày vợ chồng có 03 con chung là Đỗ Công M; sinh ngày 12/8/1998, Đỗ Thị Thu P; sinh ngày 15/01/2001, Đỗ Thị Diệu T; sinh ngày 03/11/2003. Hiện nay cháu M đã trưởng thành lao động tự lập được, chị nhận nuôi cháu P và cháu T, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, ruộng nhận khoán của HTX nông nghiệp, công nợ và các mối quan hệ khác về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn D trình bày tại bản tự khai ngày 31-10-2017: Anh và chị Đinh Thị N tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, được UBND xã G1 cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/1996. Anh có uống rượu nhưng không chửi bới đánh đập ai. Năm 2015 vợ chồng anh lên Hà Nội làm ăn mới phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng ly thân nhau hơn 2 năm. Nay chị N có đơn ly hôn anh không đồng ý anh muốn vợ chồng hàn gắn lại với nhau, vì anh là người theo đạo công giáo, luật công giáo không cho phép vợ chồng ly hôn.

Về con: Anh D trình bày vợ chồng có 03 con chung: là Đỗ Công M; sinh ngày 12/8/1998, Đỗ Thị Thu P; sinh ngày 15/01/2001, Đỗ Thị Diệu T; sinh ngày 03/11/2003. Hiện tại cháu P và cháu T đang ở với chị N, nếu phải ly hôn, anh nhận nuôi cháu P và cháu T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng nhận khoán của HTX nông nghiệp: anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31-10-2017 cháu Đỗ Diệu T và cháu Đỗ Thị Thu P đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Đỗ Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N và anh Đỗ Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Đăng ký kết hôn tại UBND xã G1, huyện G, tỉnh N vào ngày 05/11/1996 là hôn nhân hợp pháp.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong quá trình chung sống vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân đã hơn 2 năm không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận nguyện vọng của chị N xin ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: là Đỗ Công M; sinh ngày 12/8/1998, Đỗ Thị Thu P; sinh ngày 15/01/2001, Đỗ Thị Diệu T; sinh ngày 03/11/2003. Việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền lợi của cha mẹ.

Xét tình trạng thực tế hiện nay: Cả hai cháu P và T đang ở với mẹ ổn định cuộc sống và học hành từ khi vợ chồng ly thân đến nay, nguyện vọng các cháu đều mong muốn được ở với mẹ. Nay chấp nhận nguyện vọng của chị N về việc nuôi con là phù hợp pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Anh D không phải góp cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản quyền này.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung; ruộng khoán HTX nông nghiệp cũng như các mối quan hệ khác về tài sản các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Đinh Thị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử lý hôn giữa chị Đinh Thị N và anh Đỗ Văn D.

2. Về con chung: Giao chị N trực tiếp nuôi hai con chung là Đỗ Thị Thu P; sinh ngày 15/01/2001 và Đỗ Thị Diệu T; sinh ngày 03/11/2003 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành có khả năng lao động tự lập. Anh D không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Trường hợp anh D lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D.

3. Về án phí ly hôn: chị Đinh Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy theo biên lai số 07682 ngày 19 tháng 10 năm 2017.

4. Về quyền kháng cáo: chị Đinh Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận với nhau về việc thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Dương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ông Ngọc Lễ